

# VỀ VẤN ĐỀ PHẬT GIÁO Ở TÂY THIÊN (VĨNH PHÚC)

LÊ THỊ VÂN ANH<sup>(\*)</sup>

## Dẫn luận

Cũng như các địa danh ở Bắc Bộ như Bắc Ninh, Hà Tây (cũ) ...Phật giáo có mặt ở Tây Thiên (Vĩnh Phúc) từ rất sớm. Vấn đề này đã được các nhà nghiên cứu làm rõ. Theo Lê Mạnh Thát thì các nhà sư Ấn Độ có mặt ở Giao Châu, Giao Chỉ từ thế kỉ III trước Công nguyên (TCN). Ông đưa ra bằng chứng thông qua cuốn "*Lĩnh Nam Chích Quái*" mà cụ thể là truyện "*Chữ Đồng Tử - Tiên Dung*" để làm rõ vấn đề này. Ông đã lưu ý chúng ta chi tiết việc Chữ Đồng Tử đi tu ... Sau khi đi tu, Đồng Tử trở về, giảng lại đạo Phật, Tiên Dung bèn giác ngộ, bỏ phố phường, cơ nghiệp, rồi cả hai tìm thầy học đạo<sup>(1)</sup>.

Câu chuyện Chữ Đồng Tử - Tiên Dung xuất gia đi tu gắn với lịch sử Phật giáo Việt Nam ở thế kỉ III TCN (khoảng 247 - 232) khi phái đoàn Sona đi truyền giáo ở vùng Suvanbhumi - tức vùng Đông Nam Á lục địa. Theo sách *Đạo giáo nguyên lưu* (1845) của An Thiên thì: "*Trong am có nhà sư tên là Phật Quang, đó là người Thiên Trúc, tuổi hơn 40, truyền pháp cho Đồng Tử*". Nhiều địa danh đã được chỉ ra sau các nghiên cứu này như Cửa Sốt (Hà Tĩnh), Cửu Chân (Thanh Hóa), Luy Lâu (Thuận Thành, Bắc Ninh), Yên Tử (Quảng

Ninh) và đặc biệt là Tây Thiên (Vĩnh Phúc). Vậy, chúng ta có thể khẳng định rằng cùng với những địa danh khác thì Tây Thiên của Vĩnh Phúc là một trong "cái nôi" của Phật giáo Việt Nam.

## 1. Tây Thiên - nơi tiếp nhận Phật giáo sớm nhất ở Việt Nam?

### 1.1. Những dòng sử liệu

Nhà bác học Lê Quý Đôn, ở thế kỉ XVIII, trong *Kiến văn tiểu lục* đã mô tả về cảnh chùa ở Tây Thiên như sau: "...Sườn núi có chùa Tây Thiên Cổ Tự, tre xanh, thông tốt, cảnh sắc thanh nhã rộng rãi, trên đỉnh núi cao lại có chùa Đồng Cổ, vừa lên vừa xuống phải mất hai ngày. Từ phía tả khe Giải Oan trèo lên núi đến hồ Sen, nước xanh biếc, trong hồ có thứ đá lạ và có sen đỏ, hoa nở bốn mùa, hai bên ngoài hồ, suối từ sườn núi chảy ra, bên trái gọi là suối Bạc, phát nguyên từ khe đá đỉnh núi chảy xuống, trông như tấm lụa; bên phải gọi là suối Vàng, từ chùa bên phải chảy ra. Chùa bên phải này vuông vắn phẳng hơn một trượng, tường nhà toàn bằng đá, hai bên cánh cửa khoá chặt lại bằng khoá sắt

\*. ThS., Đại học Nội vụ, Hà Nội.

1. Vũ Quỳnh, Kiều Phú. *Lĩnh Nam chích quái*, Nxb. Văn Học, Hà Nội, 1990.

lớn, trên viên đá khắc chữ Triện là “Địa Ngục Tự” không biết dựng từ đời nào. Suối ở đây từ trong khe cửa chảy ra, sắc nước trông như vàng. Suối Bạc và suối Vàng hợp lưu ở trước hồ sen, quanh co chảy xuống rồi hợp lưu với khe Giải Oan...”.

*Ngọc phả Hùng Vương* ghi: “Có lần Hùng Vương thứ 7 là Chiêu Vương lên núi Tam Đảo cầu tiên thì nhiên nhiên đã thấy có chùa thờ Phật”.

Cũng theo sử liệu cổ còn lại thì “từ thời các vua Hùng tại Tây Thiên đã có ba ngôi chùa cổ tên là: Hoa Long Thiên Tự, Thiên Quang Thiên Tự, Thiên Ân Thiên Tự...”<sup>(2)</sup>.

Theo học giả Lê Mạnh Thát, trong cuốn *Lịch sử Phật giáo Việt Nam*: “Trước đây, Claude Madrolle căn cứ vào tên thành Nê Lê, tức là thành Bùn Đen, để giả thiết thành Nê Lê ở chính vùng Đồ Sơn của thành phố Hải Phòng. Nê Lê hiểu như nghĩa bùn đen tất nhiên không phù hợp với văn phạm chữ Hán. Bởi vì nếu hiểu Nê là bùn và Lê là màu đen, thì thành này phải có tên là Lê Nê, chứ không phải là Nê Lê. Hơn nữa cụm từ Nê Lê trong Hán văn thường được dùng như một phiên âm của chữ Naraka của tiếng Phạn. Và Naraka lại có nghĩa là Địa Ngục. Tại vùng núi Tam Đảo có ba ngọn cao nhất là Thạch Bàn, Phù Nghĩa và Thiên Thị, trong đó, giữa chân ngọn Thạch Bàn, tại làng Sơn Đình, có ngôi chùa Tây Thiên. Chùa này tương truyền là có liên hệ với vua Hùng và có một bản ngọc phả về vua Hùng thờ tại đây. Điểm lồi cuốn là chùa Tây Thiên này lại có tên nôm na là chùa Địa Ngục. Đã là chùa thì thiếu gì tên tại sao lại có tên Địa Ngục,

phải chăng là do từ chữ Naraka mà ra. Huyện An Định do thế có khả năng nằm tại vùng núi Tam Đảo này chăng? Muốn trả lời dứt khoát câu hỏi này, ta phải đợi một cuộc điều tra khảo cổ thực địa”<sup>(3)</sup>.

Vấn theo học giả Lê Mạnh Thát: “Tên huyện An Định xuất hiện sớm nhất trong Tiên Hán Thư 28 hạ, tờ 10b9-11a25; ở đấy nó là một trong mười huyện thuộc quận Giao Chỉ mà ngoài nó ra, gồm có Luy Lâu, Liên Lâu, Phú Lâu, Mê Linh, Khúc Dương, Khúc Bắc Đái, Khế Từ, Tây Vu, Long Biên và Chu Diên... Nhưng đến đời Tam Quốc đổi thành Định An (Hậu Hán Thư 33 tờ 21a8-b5), đến đời Tấn đổi thành An Định (Tấn Thư 15 tờ 8b 13-9a2), qua đời Lưu Tống, An Định được đổi thành Định An (Tống Thư 38 tờ 40b1). Vậy trong vòng 5 thế kỉ, danh xưng Định An hay An Định cứ thay đổi nhau để chỉ cho một vùng đất, một huyện của Giao Chỉ”<sup>(4)</sup>.

Tăng Chiếu, người đã biên tập lại *Giao Châu Kí* từ những đoạn trích dẫn rải rác trong các tác phẩm Trung Hoa như *Hậu Hán Thư*, *Thủy Kinh Chú*, *Tế Dân Yếu Thuật*, *Bắc Đường Thư Sao*, *Nghệ Văn Loại Tu*, *Sơ Học Kí*, *Thái Bình Ngự Lâm*,... đã kết luận: “Giao Châu Kí viết vào thời nhà Tấn và Lưu Hán Kỳ là người Đông Tấn, như vậy Lưu Hán Kỳ phải sống và viết vào những năm 360 - 420”.

Như vậy, cho tới những năm 380 - 420, những người di hái củi ở nước ta vẫn còn thấy được Thành Nê Lê và tháp vua Asoka

2. Xem thêm: *Ngọc phả Hùng Vương*.

3. Lê Mạnh Thát. *Lịch sử Phật giáo Việt Nam (Từ khởi nguồn đến thời Lý Nam Đế)*, tập 1, Nxb. Thuận Hoá, 1999, tr. 31.

4. Lê Mạnh Thát. *Lịch sử Phật giáo Việt Nam*,... sđd, tập 1, tr. 30-31.

ở huyện Định An. Qua các dữ liệu nêu trên, chúng ta thấy có ba vấn đề cần làm sáng tỏ: Một là, niên điểm và địa điểm truyền đạo Phật sớm nhất vào nước ta? Hai là, Ai là người đã tiếp nhận Phật giáo ở Tây Thiên? Ba là, nên gọi là Phật Mẫu hay Thánh Mẫu?

### 1.2. Niên điểm Phật giáo truyền vào nước ta

Theo *Ngọc phả Hùng Vương*, vào thời Hùng Vương thứ bảy (Chiêu Vương), trên núi Tam Đảo đã có chùa thờ Phật.

Theo truyện Nhất Dạ Trạch trong *Linh Nam Chích Quái*, Chử Đồng Tử, chồng công chúa Tiên Dung, là một Phật tử thời Hùng Vương thứ ba.

Theo sách Đại Sử Kí (Mahavamsa) của Tích Lan, năm 325 trước Công nguyên, đại hội kết tập kinh điển lần thứ ba diễn ra tại thành Pataliputta (Hoa Thị), nước Maghada (Ma Kiệt Đà), do Hoàng đế Asoka (A Dục) đề xướng bảo trợ, Đại lão Hoà thượng Moggaliputta Tissa (Mục Kiền Liên Tử Đế Tu) làm chủ tọa. Sau đại hội này, có cử 9 phái đoàn đi hoằng pháp khắp các nơi trong nước Ấn Độ và các nước bên ngoài Ấn Độ.

Sự hoằng dương Phật pháp thời vua A Dục trong và ngoài Ấn Độ diễn ra trong khoảng thời gian từ năm 325 đến năm 258 trước Công nguyên, tương ứng với thời Hùng Vương ở nước ta và trùng hợp với các sử liệu về Phật giáo ghi trong *Ngọc phả Hùng Vương*, *truyện Chử Đồng Tử*, *Giao Châu Kí* của Lưu Hân Kỳ và *Thủy Kinh Chú* của Lê Đạo Nguyên. Như vậy, có thể khẳng định, Phật giáo truyền vào nước ta từ thời Hùng Vương.

### 1.3. Quần thể di tích Tây Thiên qua các chứng tích khảo cổ học

Tây Thiên là một quần thể di tích danh thắng với nhiều loại hình di tích lịch sử văn hoá đa dạng. Có được những giá trị to lớn ấy là do Tây Thiên được thừa hưởng bởi tạo hoá kì thú và bàn tay, khối óc sáng tạo của các cư dân sớm cư trú ở nơi đây. Những kết quả khảo sát ban đầu cho biết tại đây có nhiều loại hình di tích phong phú như các danh lam thắng cảnh, di tích khảo cổ học, di tích lịch sử nghệ thuật. Tất cả đã tạo nên diện mạo Tây Thiên đa dạng và sinh động. Truyền thuyết dân gian trong vùng có thể chỉ cho chúng ta biết rõ vị trí của các di tích ít nhiều được Lê Quý Đôn ghi chép trong *Kiến văn tiểu lục*. Các đơn nguyên kiến trúc còn tồn tại dưới dạng phế tích hoặc thay vào đó là các công trình mới được dựng lên khá khang trang, chẳng mấy ăn nhập trong không gian Tây Thiên. Đó là đền Cả (đền Trình), đền Mẫu Sinh, Mẫu Hóa, đền Thông, đền Cô, đền Cậu, chùa Đồng Cổ, ao Dứa, chùa Phù Nghi, ngoài ra còn có am Lương Phong, am Song Tuyên, v.v... Những địa danh, tên gọi phần nào phản ánh nội dung tín ngưỡng nơi đây bao gồm cả Phật giáo, Đạo giáo và các tín ngưỡng dân gian tạo nên một bức tranh tôn giáo hỗn dung phong phú.

Trong số các di tích ấy đáng chú ý nhất là các di tích có liên quan đến Phật giáo. Có thể thấy ở đây có rất nhiều chùa (cả một hệ thống chùa) và các di vật có liên quan. Hiện có 8 ngôi chùa còn vết tích hoặc đã mất song đều được dân gian nhắc tới với tên nôm, tên chữ khá lẫn lộn

chưa được bóc tách và lí giải một cách khoa học: chùa Chân Tiên, chùa Thiên Ân, chùa Đồng Cổ, chùa Đổ, chùa Dốc Gạo, chùa Tây Thiên, chùa Phù Nghi, chùa Thông. Ngoài ra, còn có các di tích liên quan đến Phật giáo khác như các am thờ, tượng thờ, bia đá (thời Lê, Nguyễn), mộ chí, chuông đồng (Phù Nghi Tự Chung), v.v...

Thông qua các nguồn sử liệu, rõ ràng chúng ta thấy một Tây Thiên đa dạng và phức tạp với nhiều loại hình di tích tồn tại qua nhiều thời đại. Để có thể lí giải nhiều hiện thực lịch sử nơi đây thì công việc trước hết là tiến hành công tác điều tra, khảo sát khảo cổ học. Chỉ có khảo cổ học một cách hệ thống trên cơ sở kết hợp đa ngành, liên ngành nhằm xác định các vết tích kiến trúc, niên đại, chúng ta mới có thể lí giải một cách đầy đủ và toàn diện diễn biến các lớp văn hoá đang nằm sâu trong lòng đất Tây Thiên.

Kết quả khảo sát và thám sát khảo cổ học các di tích ở Tây Thiên đã phát hiện được một hệ thống các di tích, di vật rất phong phú có liên quan đến Phật giáo, song do quy mô của đợt nghiên cứu nên mới chỉ dừng lại chủ yếu ở hai khu vực đền Thông và chùa Phù Nghi.

Những vết tích còn lại trong các hố thám sát cho thấy các công trình kiến trúc được xây dựng ở các vị trí khác nhau, song đều là các vị trí khá "lí tưởng" dựa trên sườn núi tự nhiên, thể hiện được các yếu tố của tư duy phong thủy.

Các kiến trúc tuy nằm trong cùng một mặt bằng, song lại được tạo thành các cấp là nét rất đặc trưng cho không gian khu vực này, tạo cảm giác trùng điệp,

hoà điệu cùng địa thế tự nhiên. Đặc điểm này được thể hiện khá thống nhất qua trục diện hố đào ở cả hai địa điểm là khu vực đền Thông và chùa Phù Nghi.

Trong hố đào, vết tích gia cố nền, móng thể hiện rất rõ, nhưng móng thường nông, còn các vật liệu thu được chỉ là số ít các mảnh trang trí kiến trúc có niên đại thời Trần và thời Nguyễn. Thông thường, trong các phế tích kiến trúc thời Trần, móng không phải là nơi được tập trung gia cố, mà thường là gia cố nền và đặc biệt là gia cố chân tảng vì đây mới là nơi chịu trọng lực cho toàn bộ công trình. Đối với công trình kiến trúc ở Tây Thiên đã được phát hiện thì sự gia cố nền móng không thấy rõ ràng. Sở dĩ có sự khác biệt đó là do các kiến trúc được xây dựng dựa vào nền gốc và địa thế tự nhiên. Hơn nữa, do xây dựng ở lưng chừng núi nên quy mô công trình cũng không thật sự đồ sộ như ở các khu vực khác. Vì vậy, gia cố nền cũng được chú trọng song rất mức độ, nó chỉ mang tính chất san ủi, tạo "bằng địa", còn gia cố chân tảng thì không thấy xuất hiện.

Tuy các vết tích kiến trúc thu được không nhiều, nhưng các di vật kiến trúc thu được tại đây đã cho thấy rõ hơn về quy mô, tính chất, niên đại của các công trình này. Đây là nhóm các loại hình vật liệu kiến trúc khá đặc trưng của kiến trúc thời Trần, song bên cạnh đó, lại mang những nét khác biệt mang tính chất "địa phương" của chúng.

Khi nói tới các loại vật liệu kiến trúc thời Trần, đặc điểm dễ nhận biết đó là sự quy chuẩn về kích cỡ và loại hình, bên cạnh đó là đặc trưng về sự tinh luyện của

nguyên liệu, với xương mịn, màu đỏ tươi như son, đặc biệt là sắc độ rất đều do nhiệt độ nung được người xưa khống chế xử lý ở trình độ cao. Còn các loại hình vật liệu kiến trúc ở Tây Thiên, mặc dù số lượng còn hạn chế do quy mô mới chỉ là thám sát, thăm dò song vẫn có thể nhận thấy sự khác biệt trong các đặc trưng của kiến trúc thời Trần. Có nhiều loại vật liệu khá đa dạng về kích cỡ, sắc độ, nhưng có lẽ, do nguồn nguyên liệu tại chỗ, nên thường là chuyển sang ngả vàng, hoặc đỏ sẫm mà chợt nhìn ta có cảm giác chúng là sản phẩm của thời kì sau như Lê, Nguyễn (thế kỉ XVII - XIX).

Trên cùng một chất liệu, các loại hình trang trí kiến trúc xuất hiện với các đồ án, mô típ trang trí cho thấy rõ chúng có niên đại thời Trần. Các mô típ trang trí đặc trưng thời Trần với chủ yếu là các loại trang trí rồng, phượng, cánh sen (tạo khối trang trí dạng phù điêu, đắp nổi, khắc lõm), loại hoa 4 cánh (đắp nổi, trở thủng). Thông qua các mô típ trang trí này, vấn đề niên đại đã có thể được khẳng định sớm nhất là cuối Trần đầu thời Lê sơ. Và những kiến trúc này là một phần còn lại của các công trình kiến trúc Phật giáo đã từng tồn tại ở nơi đây, như sử sách và huyền thoại nhắc tới<sup>(5)</sup>.

Những chứng cứ khảo cổ học thu được cho thấy niên đại của các chùa khu vực Tây Thiên là khá muộn, khó có thể chứng minh nơi đây đã từng tồn tại những kiến trúc buổi đầu Công nguyên. Chúng ta sẽ còn cần nhiều chứng cứ khảo cổ học hơn nữa để chứng minh một trung tâm Phật giáo Tây Thiên xuất hiện trước thời Hai Bà Trưng. Chúng tôi không phủ nhận

rằng Tây Thiên là một trung tâm Phật giáo sớm của khu vực đồng bằng Bắc Bộ nhưng thật khó khi cho rằng có cùng niên đại hoặc sớm hơn chùa Đậu và các chùa Tứ Pháp ở Luy Lâu (Bắc Ninh).

#### 1.4. Tây Thiên - cái nôi của Phật giáo Việt Nam?

Trong vùng Bắc Bộ, chỉ có vùng Tam Đảo núi non liên hoàn hùng vĩ, cảnh trí u nhã, có suối chảy nước trong, thác ghềnh, non cao, rừng rậm, thâm u tịch tĩnh, thích hợp cho người tu Thiền. Hơn nữa, vào thời Hùng Vương, Tam Đảo ở gần kinh đô nước Văn Lang, nên có thể nơi đây được đoàn hoàng pháp của các nhà sư Ấn Độ lựa chọn để hoàng dương Phật pháp.

Nhiều tài liệu cổ sử có nhắc tới một địa danh là thành Nê Lê (Liệu địa điểm thành Nê Lê có phải là chùa Địa Ngục hiện nay hay không? Một câu hỏi được đặt ra là tại sao gọi là thành Nê Lê mà không gọi là chùa Nê Lê? Theo chúng tôi, thuật ngữ Nê Lê (núi bùn đen có vẻ gần với Đồ Sơn) song không vì vậy mà chúng ta không khảo sát khu vực Tây Thiên.

Tây Thiên có phải là nơi dừng chân của các sư Ấn Độ mà nhiều học giả cho đó là Sona và Uttara? Cũng có nhà nghiên cứu cho đó có thể là những đệ tử của các ngài mở mang Phật pháp, từ đó chùa chiền ở Tây Thiên phát triển, dần dần lan toả đi các nơi. Điều này có vẻ trùng hợp với sử liệu cổ đã ghi vào thời

5. Xem thêm: Trần Anh Dũng. *Một số di tích Khảo cổ học Phật giáo xung quanh chùa Tây Thiên*; Trong: *Mấy vấn đề về Phật giáo ở Tây Thiên Tam đảo Vĩnh Phúc* (Kỷ yếu hội thảo khoa học) năm 2006, tr. 57.

Hùng Vương có 3 ngôi chùa: Hoa Long Thiên Tự, Thiên Quang Thiên Tự, Thiên Ân Thiên Tự.

Theo Thích Kiến Nguyệt: “Khi An Dương Vương dời kinh đô về thành Cổ Loa, Phật giáo đã theo tín đồ và nhân dân phát triển xuống vùng đồng bằng Bắc Bộ, trung tâm Luy Lâu được hình thành và phát triển. Đến thế kỉ II, Khương Tăng Hội từ Tây Thiên đến đó thuyết giảng Phật pháp, trước khi ngài sang Trung Hoa giảng đạo và lập chùa Kiến Sơ. Từ đó, Luy Lâu trở thành trung tâm lớn mạnh của Phật giáo... Theo Hòa thượng Thích Thanh Từ, thuật ngữ “Tây Thiên” phát xuất từ ý nghĩa “nơi các nhà sư Tây Thiên (sư Ấn Độ) tu hành”. Vì theo trong kinh sách, thuật ngữ “Tây Thiên” để chỉ nước Ấn Độ, cũng như thuật ngữ “Đông Độ” để chỉ nước Trung Hoa<sup>(6)</sup>.

Đó cũng chỉ là những suy đoán còn cần thêm nhiều cứ liệu lịch sử nữa mới có thể khẳng định được nơi đây có phải là địa điểm truyền đạo Phật vào Việt Nam sớm nhất hay không?

## 2. Phật Mẫu hay Quốc Mẫu Tây Thiên?

Không đơn giản chỉ là cách gọi, tên gọi tùy thuộc theo sự yêu kính của con người mà nó là một thuật ngữ mang tính khoa học cao. Vì nếu chúng ta gọi Phật Mẫu Tây Thiên có nghĩa là vùng đất Tây Thiên (mảnh trời Tây) - nơi chịu ảnh hưởng đầu tiên của Phật giáo vào vùng này. Điều này đã từng xảy ra khi chúng ta nghiên cứu Phật Mẫu Man Nương với hệ thống Phật giáo Tứ Pháp tại chùa Mãn Xá (Thuận Thành, Bắc Ninh). Đây là mảnh đất còn lưu dấu 5 ngôi chùa rất cổ và 5 ngôi chùa này là sự kết hợp, là hiện

thân của sự tác hợp giữa Phật giáo với các tín ngưỡng thờ thần Nông nghiệp mà cụ thể là các hiện tượng mây, mưa, sấm, sét, những yếu tố sinh thành, nuôi dưỡng cho sự phát triển của cây lúa nước và một nền nông nghiệp trồng lúa nước vùng Châu thổ sông Hồng. Còn ở Tây Thiên thì sao?

Trương Sỹ Hùng, trong một bài viết về Tây Thiên có nhắc tới thuật ngữ Phật Mẫu Tây Thiên. Sau một hồi luận bàn, tác giả này đã viết:

“... Ở đây việc tìm hiểu Phật Mẫu Tây Thiên tức là xem xét quá trình thể tục hóa của Phật giáo vào nội dung tín ngưỡng thờ Mẫu tại một địa điểm tiêu biểu trên đất Vĩnh Phúc. Phật thì trên đây bài viết đã sơ lược luận bàn, còn Mẫu Tây Thiên từ những nguồn chứng cứ nào? Trong kỉ yếu hội thảo *Mấy vấn đề về Phật giáo ở Tây Thiên* năm 2005, Đinh Khắc Thuân đã sưu tầm, nghiên cứu tài liệu Hán Nôm tại hai kho lưu trữ Hà Nội và cho biết: “Một số di tích khác thờ Ả Lã Nàng Đê, một nữ tướng thời Hai Bà Trưng. Đặc biệt là vị nhân thần hiển thánh thời Hùng Vương là Đảo Sơn Quốc Mẫu tặng Thái phu nhân. Bà có công chiêu lập dân ấp, bắc cầu, đắp đê, dạy cho dân làm nông nghiệp. Cũng có thể vị Thái phu nhân này là Lăng Thị Tiêu, được phụng thờ ở các di tích thuộc khu vực chùa Tây Thiên”. Và “Nếu chùa Hương được phủ lên lớp Phật thoại về bà chúa Ba hay Phật Bà Quan Âm thì chùa Tây Thiên ngồi ngời hình ảnh vị Thánh

6. Tỳ kheo Thích Kiến Nguyệt. *Tây Thiên có thể là một trong những cái nôi của Phật giáo Việt Nam*, Trong: *Mấy vấn đề...* (kỉ yếu hội thảo khoa học), 2006, tr. 29.

Mẫu, vốn là Lăng Thị Tiêu, người phò tá vua Hùng dẹp giặc<sup>(7)</sup>.

Sách *Quốc Mẫu Tây Thiên Vĩnh Phúc* (2008) tái hiện lại một dị bản truyền thuyết rằng: “Xưa kia ở làng Đông Lộ, có người tù trưởng tên là Lăng Phiêu. Ông có người vợ tên là Đào Thị. Tuy được số quyền thế, giàu có nhưng vợ chồng ông tù trưởng vẫn ăn ở nhân đức với mọi người. Hiềm nỗi cả hai vợ chồng đều đã gần 40 tuổi mà vẫn chưa có con. Họ bàn tính rồi đưa nhau làm lễ lên chùa trên núi Tam Đảo để cầu tự. Ngủ lại gần chùa, nửa đêm Đào Thị mơ thấy một đám mây vàng sà xuống trước mặt. Trong đám mây vàng ấy có một quần thể tiên nữ khoảng bảy, tám người, ai cũng mặc áo ca múa, đàn hát và ngâm thơ. Cuộc vui cứ thế kéo dài đến gần sáng thì đám mây dạt về phía tây rồi dần dần biến mất. Tỉnh giấc, Đào Thị bàng hoàng nuối tiếc, thấy cảm động trong người. Bà mang thai từ đấy. Mười tháng sau Đào Thị sinh ra một người con gái mặt hoa da phấn, sắc nước hương trời. Bốn tuổi nàng đã biết đàn hát. Sáu tuổi nàng thông tinh văn võ. Lúc ấy cha mẹ mới đặt tên nàng là Lăng Thị Thắm, hiệu Nhược Cẩm. Cho đến năm 11, 12 tuổi Thắm đã trở thành cô gái đoan trang, nên nếp, có đủ cả công dung ngôn hạnh.

Đúng lúc ấy, giặc Thục kéo đến xâm lấn bờ cõi Văn Lang. Lăng Thị Thắm đứng ra chiêu tập binh sĩ, luyện quân đánh giặc cứu nước. Chẳng bao lâu, bà tuyển mộ được 3.000 người, đồng tâm hiệp lực theo bà lên Phong Châu xin lệnh vua Hùng ra quân đánh giặc. Trong số quân sĩ được tuyển mộ ấy, làng Đông Lộ

có 50 tráng đinh, các làng Quan Nội, Quan Ngoại mỗi làng được 150 người, làng Khuyết Trung 10 người, còn lại gồm nhiều tráng đinh ở các vùng lân cận.

Khi kéo quân đến Phong Châu ra mắt vua Hùng, nữ tướng Lăng Thị Tẩm được vua Hùng giao cho 10 vạn quân tinh nhuệ và 3000 con ngựa chiến, ra trận đánh giặc Thục. Thắng trận trở về, vua Hùng phong cho bà là Tam Đảo sơn trụ quốc đại vương.

Đất nước trở lại thanh bình, bà trở về quê hương sinh sống, cho xây dựng tả cung ở làng Quan Nội, hữu cung ở Quan Đình và Nhân Lý, hạ cung ở Khuyết Trung. Tây Thiên được chọn làm nơi ở của bà”. Sau khi tóm tắt truyền thuyết, các tác giả sách *Quốc Mẫu Tây Thiên Vĩnh Phúc* suy luận chứng cứ rồi kết luận: “Đông Lộ là nơi sinh. Đình Đông Lộ nay gọi là đền Mẫu Sinh. Đền Xóm Xím (cũng thuộc Đông Lộ) là nơi mát, nay gọi là đền Mẫu Hóa. Ở ngay cổng đền còn cái giếng cổ, gọi là giếng Tắm. Đình làng Sơn Đình là nơi bà luyện tập quân sĩ.

Rõ ràng trong tâm thức nhân dân vùng xã Đại Đình cổ xưa, bà Quốc Mẫu là nhân vật có thật, xuất thân từ vùng nông thôn hẻo lánh, dân dã. Do tài năng và uy tín tập hợp được lực lượng, giúp nước đánh giặc, trở thành một vị tướng tài ba ở thời đại vua Hùng Duệ Vương...”.

Khảo sát nhiều bản *Hùng Duệ Vương sự tích ngọc phả cổ truyền*, dừng lại ở truyện *Hùng Chiêu Vương* trong *Ngọc*

7. Trương Sỹ Hùng. *Phật Mẫu Tây Thiên và tính thế tục hóa của tôn giáo tín ngưỡng*, Nguồn Daomauvietnam.com năm 2009, tr. 3. Truy cập ngày 15/5/2012.

*Phả xā Hy Cương*, có ghi danh người soạn là Nguyễn Cố (1470), tác giả Lê Kim Thuyên tìm thêm được một dị bản về Quốc Mẫu Tây Thiên: “Mỗi tháng, ngày mồng 1, ngày rằm, vua thường trai giới, ăn chay ngự triều. Bên cạnh cung điện từ xưa có một ngôi chùa, do thánh thượng tiên đế tu luyện tâm thân, khéo dùng thuốc thần, luyện phép thành Tiên, sinh hóa không mất, ngày bay lên trời, không để dấu vết. Đông đảo thần tiên được quyền xuống giúp. Linh hồn bốn vị đại vương trên trời, tám vị bồ tát trong đạo Phật, hai mươi tám vì sao trên trời, với hàng trăm vị thần luôn theo sau bảo vệ. Việc cõi trần gian nhờ thế mà tốt đẹp khác lạ”. Ngọc phả kể lại nhiều buổi ngự triều của vua, có buổi các vị thần linh như Sơn Tinh, Thủy Tinh “nơi đầu sông góc bể đều quay về chầu”. Và “hai bên văn võ hầu triều trang nghiêm. Việc vua cung kính dâng lời thấu đến chín tầng trời, khói hương đẹp lạ lùng như làn mây mỏng từ bi của sự thành tâm, cảm động dường như thông cả trời đất. Bỗng có một ông già thân vàng tướng ngọc theo mây cười mưa bay lại. Vua vái chào rồi đón mời ông vào chùa. Ông già nói: - Ta là thần đất ở phía tây đã lâu chơi bởi nơi góc bể, thuyền nhẹ lênh đênh, chẳng nhiệm phải thói bó buộc nơi bụi trần. Đường đến cõi Niết Bàn cốt ở sự thành tâm, cảm động về việc đọc kinh kệ truyền vang, khiến ta cảm ứng và đến vậy”. Sau đó vì sùng bái đạo Phật vua còn được gặp nhiều vị nhân thần ở các đời trước hiện về và bốn vị thần nhà Trời

Đặc biệt việc vua Hùng Chiêu Vương: “Đến nơi thấy núi non như gấm, như linh, hàng nghìn các lâu đài lớp lớp sáng

lóa, vách biếc; suối xanh muôn dòng cùng lẫn tẩn gợi sóng. Cảnh tượng đẹp đẽ, hoa cỏ đua chen, nhỏ nhỏ nơi đầu núi có một ngôi chùa gọi là chùa Tây Thiên<sup>(8)</sup>. Việc công đức tròn quả, vua lại đến Thạch Bàn để xem xét cảnh tiên. Thấy nơi đây non nước một bầu, khác nào như lạc bước vào chốn bồng lai. Vua lại đến đền Phù Nghi, lập đàn Vọng Sơn, làm chốn li cung uy nghi để cầu đức hoàng thiên. Vua làm lễ mà khẩn rằng: - Nguyện có trời đất xét soi, nay nếu may gặp được thần tiên thì quả là kiếp ba sinh đã trọn hưởng yên vui vậy! Khẩn xong, vua làm lễ vái tạ, rồi nghỉ lại li cung ba ngày mà cũng không hề gặp tiên. Bồi hồi lo lắng, vua không hiểu vì sao lễ lại không thành; bèn đến ngự ở đầu núi Rồng, dựng đàn Vọng Tiên làm rằm khẩn vái. Đêm đến có vị thần linh mách bảo: - Người tiên mà vua đang cầu mong gặp hiện đang ở phía tây núi lớn. Trở lên thì không gặp được, cứ xuôi xuống núi sẽ gặp. Tiên đang đứng đợi nơi cửa rừng!

Xuống chân núi thì quả nhiên vua gặp một người con gái xinh đẹp, vóc dáng lạ thường, đang đứng cạnh ngôi miếu bên đường xem vua xa giá. Vừa lòng về sắc đẹp, vua đưa về cung rồi mới hỏi: - nàng là con nhà ai? Nàng từ đâu đến. Cô gái trả lời: - Thiếp vốn là người tiên, [tên là Ngọc Tiêu] giới cho xuống làm con ông tù trưởng ở thôn Đông Lộ;

8. Xem thêm: Lê Kim Thuyên. *Tín ngưỡng ở Tây Thiên*, Trong *Mấy vấn đề về...* (Kỷ yếu hội thảo khoa học), 2006, tr. 94.

- Lê Kim Thuyên, Lê Kim Bá Yên. *Quốc Mẫu Tây Thiên Vĩnh Phúc*. Sở Văn hóa, Thông tin và Du lịch Vĩnh Phúc, 2008.



bao năm nương mình nơi lều cỏ, vịnh sử ngâm kinh, ẩn thân ngọc, cất cửa đẹp, để đợi về tay người anh hùng vậy. Nghe tin bệ hạ giá Tây Thiên, dựng đàn chay xin cầu gặp tiên, bởi vậy thiếp chẳng quản xa xôi mà đến xem. Nay gặp duyên trời định trước tình cờ gặp gỡ quân vương, thiếp xin nguyện ước được hầu hạ trong trướng, chẳng phụ lòng nguyện ước ba sinh. Nghe lời, vua biết là thần trời đã xui khiến cho được hưởng, sai người sắm sửa đầy đủ lễ vật đến nhà trưởng ông ở Đông Lộ dẫn cưới. Trở về thành Phong Châu, vua lập nàng làm chính phi. Chưa đầy một năm sau, Ngọc Tiêu có thai, sinh được một người con trai, phẩm chất thông minh, tài năng vượt trội. Tuổi lớn vua lập làm Hoàng thái tử để nối ngôi, đặt niên hiệu là Hùng Vi Vương (Vua Hùng đời thứ 8 - L.K.T. chú thích). Về sau, Vương và Hoàng phi có phép tiên hưởng lộc nước được 200 năm ngang với Kiều Bành, năm tháng hóa sinh không mất". Tìm hiểu thần tích làng Yên Tĩnh ở Lập Thạch, một điểm thờ Quốc Mẫu Tây Thiên, các tác giả còn nêu rõ những lần linh hồn Ngọc Tiêu còn "hô thần sông núi tụ tập giúp" phù hộ cho Hai Bà Trưng ở cửa sông Hát; rồi "Quốc Mẫu hiển linh tại đền bên bờ sông Lô Giang dẫn đường cho tướng sĩ tả xung hữu đột, thủy lục hợp binh một trận, đánh đuổi quân Nguyên". Đến "ngã ba Hạc, Nguyễn Trãi sai người lập đàn cầu đảo, được Quốc Mẫu linh ứng âm phù". Khẳng định: "Cuộc nhân duyên của bà Lăng Thị Tiêu với Hùng Chiêu vương ở núi Tam Đảo mở ra thời kì thịnh trị của quốc gia Văn Lang, phát triển văn hóa và đổi mới phong tục, xứng đáng là thời cực thịnh

trong các đời vua thuộc 18 đời vua Hùng. Bà có tư chất của một mẫu nghi thiên hạ.

Trong năm người phụ nữ đẹp của 2622 năm lịch sử Hùng Vương chỉ có hai người được dự phong vào hàng Quốc Mẫu; - Quốc Mẫu Âu Cơ, đền thờ ở xã Hiền Lương, huyện Hạ Hòa, tỉnh Phú Thọ. - Quốc Mẫu Tây Thiên ở Tam Đảo, tỉnh Vĩnh Phúc<sup>(9)</sup>.

Như vậy, danh tích Quốc Mẫu Tây Thiên đã tương đối thống nhất; rõ ràng là một vị thần nổi tiếng từ thời Hùng Vương. Xuất xứ nửa thiên thân và nửa nhân thân của Quốc Mẫu mang vía sống của người trời, hiện thân xuống trần gian làm người đẹp giúp vua Hùng sinh con và đánh giặc cứu nước. Ngay cả khi bà đã qua đời sau 200 năm tại thế, linh hồn thiêng liêng của bà vẫn phù hộ, cứu giúp cho đời sống dân sinh. Vì thế 54 điểm thờ bà tìm được chỉ riêng ở Vĩnh Phúc và trải thời gian từ thời Lý đến thời Nguyễn đã có sắc vua phong cho bà qua các đời.

Do đó, trước khi trở thành Phật Mẫu (như Trương Sỹ Hùng gọi, hay Thánh Mẫu, hay Quốc Mẫu thì bản thân bà Tây Thiên là một con người bằng xương bằng thịt, được huyền tích hóa, thánh hóa, tiên hóa trở thành một con người có nhiều quyền năng pháp thuật cứu nước, độ dân mong cho Quốc thái, Dân an cảnh trí dưới trần gian cũng đẹp như trên cõi Tiên cõi Phật vậy. Điều này đã đáp ứng được sự mong đợi của mọi người và người đời đã phong Thánh Mẫu cho bà. Qua các câu chuyện mà chúng ta biết

9. Trương Sỹ Hùng. Bài và website đã dẫn... tr. 5.

chưa có một câu truyện nào nói về bà Tây Thiên gặp Phật, gặp sư như truyện Tiên Dung - Chử Đồng tử, hoặc giả như Man Nương gặp sư Khâu Đà La.

### 3. Kết luận

*Thứ nhất*, Tây Thiên là một thắng tích gắn với Tam Đảo hùng vĩ. Với cảnh trí u linh tích mịch này rất hợp với các kiến trúc tâm linh cũng như hợp với những tấm lòng người ngưỡng mộ tâm linh, tín ngưỡng tôn giáo trong đó có Phật giáo. Mặc dù Tây Thiên là một trung tâm gắn kết nhiều loại hình kiến trúc tôn giáo như Đền, Chùa, Am, Phủ, v.v... song những cứ liệu khảo cổ học cho thấy các kiến trúc ở đây thường có niên đại sớm nhất là thời Trần nên chưa thể nói chúng có mối gắn kết giữa sử liệu, truyền thuyết với quần thể di tích danh thắng nơi đây. Điều này cũng có nghĩa là Tây Thiên chỉ là một trung tâm Phật giáo lớn và sớm nhưng không thể là cái nôi của Phật giáo Việt Nam như chúng ta mong muốn.

*Thứ hai*, Phật Mẫu Tây Thiên hay Thánh Mẫu Tây Thiên có phải là người được tiếp nhận Phật giáo đầu tiên khi các nhà sư Ấn Độ vào truyền giáo thời vua A Dục? Qua các ghi chép ở trên chúng ta đã có câu trả lời khá rõ ràng rằng, trước khi bà là Phật là Thánh Tây Thiên, bà vốn là con người bằng xương bằng thịt, là một dũng tướng có công đánh giặc cứu nước sau được phong thành thần tiên. Điều này có vẻ giống với Yên Tử, trước khi trở thành một

trung tâm Phật giáo thời Trần đã là nơi Yên Kỳ Sinh tu tiên luyện đan. Qua Tây Thiên chúng ta thấy một mô hình chung của vùng trung du đồng bằng Bắc Bộ là trước khi trở thành trung tâm Phật giáo vốn là nơi Tu tiên luyện đan của Đạo giáo và tín ngưỡng bản địa.

*Thứ ba*, mảnh đất Tây Thiên hiện nay cùng với các di tích vốn có đã mở rộng lòng mình đón nhận một số Phật phái mới như Trúc Lâm thiên viện Tây Thiên, An Tâm thiên viện (chùa ni của thiên phái Trúc Lâm ở Đà Lạt). Sau khi Thiên viện Tây Thiên xây dựng xong - nơi đây là sự gặp gỡ hội tụ của đủ loại tinh hoa tín ngưỡng bản địa Vĩnh Phúc - từ Thần Tiên, Thần Phật, Thánh Mẫu, Thành Hoàng, v.v... Từ một khu di tích nay trở thành trung tâm du lịch tâm linh thu hút hàng vạn người đến với những ngôi đền, chùa này. Để tiện cho du khách, gần đây người ta cho làm hệ thống cáp treo đi từ chân núi lên đến Đền Thượng, Chùa Thượng chỉ hết chưa đầy 30 phút. Các dịch vụ du lịch, phục vụ tín ngưỡng tâm linh mọc ra ngày càng nhiều, hàng hóa, tiền vàng đan xen nhau không khỏi gây ra những phản cảm cho những người đến thờ tự.

Bên cạnh đó, ngoài những thiên phái cổ truyền ở địa phương giờ đây Tây Thiên còn đón nhận những trường phái tu hành mới như Thiên Trúc Lâm Đà Lạt, phái Mật tông Drupa, v.v... Điều đó đang làm cho sắc thái Phật giáo ở đây đa dạng hơn, phức tạp hơn./.